

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH D**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 93/2023/HS-ST
Ngày: 28/6/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH D**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh;

2/ Bà Nguyễn Thị Bích Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Kiều Diễm - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa: Ông Lê Minh Điền - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 21, 28 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình D, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 64/2023/TLST-HS ngày 21/4/2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2023/QĐXXST-HS ngày 05/05/2023, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Quach Vu L (tên gọi khác: L Chao), sinh năm 1981, tại An Giang; nơi ĐKKHKT: Ấp PX, thị trấn C, huyện P, tỉnh An Giang; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 5/12; giới tính: Nam; con ông Quách Văn P và bà Lâm Thị C; vợ tên Nguyễn Thị Kim T và có 02 con lớn nhất sinh năm 2002, nhỏ nhất sinh năm 2019; Tiền án – tiền sự: Không. Nhân thân: Ngày 22/5/2007, bị Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân Tối cao tại thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 14 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích và Chống người thi hành công vụ”, quy định tại khoản 3 Điều 104 và khoản 1 Điều 257 của Bộ luật Hình sự năm 1999, theo Bản án hình sự phúc thẩm số 632/2007/HSPT. Ngày 04/01/2018, chấp hành xong hình phạt tù. Bị bắt tạm giữ và tạm giam từ ngày 08/05/2022 cho đến nay, có mặt;

2. Họ và tên: Pham Van D, sinh năm 1960, tại H Phòng; nơi ĐKKHKT: Số 89, Tổ 40B, phường Đ, quận N, Thành phố Hải Phòng; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Bảo vệ; trình độ học vấn: 10/12; giới tính: Nam; con ông Phạm Văn Ch và bà Bùi Thị L; bị cáo có 01 con tên Phạm Quốc V, sinh năm 1993; Tiền sự: Không.

Tiền án: Ngày 26/12/2000, bị Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân Tối cao xử phạt 30 tháng tù về tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có”, quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự năm 1985, theo Bản án hình sự phúc thẩm số 2753/HSPT. Chưa thi hành án đối với phần án phí hình sự sơ thẩm, phúc thẩm và khoản tiền phạt 1.000.000 đồng.

Nhân thân:

+ Ngày 21/12/1988, bị Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản của công dân” và 06 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của công dân”, quy định tại khoản 1 Điều 155 và khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Hình sự năm 1985 theo Bản án hình sự phúc thẩm số 141/HSPT.

+ Ngày 14/12/1989, bị Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố H Phòng xử phạt 06 tháng tù về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản của công dân”, quy định tại khoản 1 Điều 160 của Bộ luật Hình sự năm 1985, theo Bản án hình sự sơ thẩm số 120/HSST.

+ Ngày 06/8/1993, bị Tòa án nhân dân quận Lê Chân, thành phố H Phòng xử phạt 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 tháng về tội “Cố ý gây thương tích”, quy định tại khoản 1 Điều 109 của Bộ luật Hình sự năm 1985, theo Bản án hình sự sơ thẩm số 77/HSST.

+ Ngày 22/11/2001, bị Tòa án nhân dân thành phố H Phòng xử phạt 12 năm tù về tội “Giết người”, quy định tại điểm p khoản 1 Điều 93 Bộ luật Hình sự năm 1999, tổng hợp hình phạt 30 tháng tù về tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có” của Bản án hình sự phúc thẩm số 2753/HSPT của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân Tối cao. Tổng hợp hình phạt là 14 năm 06 tháng tù theo Bản án hình sự sơ thẩm số 344/HSST ngày 22/11/2001. Ngày 05/7/2013, chấp hành xong hình phạt tù.

Bị bắt tạm giữ và tạm giam từ ngày 07/05/2022 đến nay, có mặt.

3. Họ và tên: Nguyen Dục H, sinh năm 1990, tại Thanh Hóa; nơi ĐKKHKT: Số 125, ĐK, ĐC, thành phố TH, tỉnh Thanh Hóa; tạm trú: Nhà trọ Nguyen Dục H, đường DE1, Khu phố 3B, phường TH, thị xã BC, tỉnh Bình D; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 9/12; giới tính: Nam; con ông Nguyễn Đức Kh và bà Trần Thị Y; vợ tên Hoàng Thị Th và có 03 con lớn nhất sinh năm 2013, nhỏ nhất sinh năm 2017; Tiền án - tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 17/6/2013, bị Công an phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình D xử phạt vi phạm hành chính số tiền 750.000đ (bảy trăm năm mươi ngàn đồng), theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 102/QĐ-CAP. Bị cáo tại ngoại, có mặt.

Bị hại: Công ty A; địa chỉ: Số A5.7, đường Đ1, khu công nghiệp Đồng An 2, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình D.

Người đại diện hợp pháp: Bà Li Chun L sinh năm 1989 – chức danh: Giám đốc, Công ty A; địa chỉ liên lạc: Số A5.7, đường Đ1, khu công nghiệp ĐA, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 22/5/2023), có mặt;

Người phiên dịch cho bà Li Chun L: Ông Trần Quốc L1, sinh năm 1971; địa chỉ liên lạc: Số A5.7, đường Đ1, khu công nghiệp ĐA, phường H, thành phố T, tỉnh Bình D, có mặt.

Bị đơn dân sự: Công ty B; địa chỉ: Số 234A/1, đường AP, Khu phố 1A, phường AP, thành phố TA, tỉnh Bình D;

Người đại diện hợp pháp: Ông Trần Huy Ph, sinh năm 1975; địa chỉ liên lạc: Số 234A/1, đường AP, Khu phố 1A, phường AP, thành phố TA, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 21/11/2022), có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông Nguyễn Trung Ng, sinh năm 1997; địa chỉ: Đường HL, khu phố AH, phường HL, thị xã BC, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1978; địa chỉ: Khu phố PN, phường HL, thị xã BC, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 07/5/2022, bà Li Chun L là Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn A Việt Nam (gọi tắt là Công ty A), trụ sở tại đường D1, khu công nghiệp ĐA, phường H, thành phố T, tỉnh Bình D đến đồn Công an khu công nghiệp Kim Huy trình báo về việc Công ty A bị mất trộm các cuộn dây đồng là nguyên liệu phục vụ sản xuất. Cùng ngày 07/5/2022, Phạm Van D là nhân viên bảo vệ tại trụ sở Công ty A đến đồn công an khu công nghiệp Kim Huy đầu thú và khai nhận về hành vi nhiều lần mở cổng Công ty A cho Quach Vu L thực hiện hành vi lén lút lấy trộm các cuộn dây đồng của Công ty A và giao nộp số tiền 35.000.000đ (ba mươi lăm triệu đồng) thu lợi từ việc chiếm đoạt các cuộn dây đồng và 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J7, màu xanh đen. Nhận được tin báo, đồn công an khu công nghiệp Kim Huy tiến hành kiểm tra, xác minh và đến khoảng 04 giờ 30 phút ngày 08/5/2022 phát hiện Quach Vu L đang thực hiện hành vi lấy trộm 02 (hai) cuộn dây đồng tại Công ty A nên lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Quach Vu L về hành vi trộm cắp tài sản và thu giữ số vật chứng, gồm: 02 (hai) cuộn dây đồng, trong đó 01 (một) cuộn có trọng lượng 28,69 kg và 01 (một) cuộn có trọng lượng 28,70 kg; 01 (một) xe mô tô hiệu Honda Winner, màu đen-bạc-vàng-đồng, biển số 61G1-710.04; 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo A15, màu xanh D, có sim số 0822.393272. Sau đó, đồn công an khu công nghiệp Kim Huy chuyển giao hồ sơ vụ việc và số vật chứng thu giữ cùng các đối tượng Quach Vu L và Phạm Van D cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một giải quyết theo thẩm quyền.

Cùng ngày 08/5/2022, Nguyễn Đức H đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một đầu thú về hành vi nhiều lần tiêu thụ các cuộn dây đồng do Quach Vu L và Phạm Van D lấy trộm của Công ty A, đồng thời giao nộp số tiền 12.000.000đ (mười hai triệu đồng) là tiền thu lợi từ việc thu mua các cuộn dây đồng của Quach Vu L và 01 (một) điện thoại di động hiệu Vivo V21 5G, màu xanh.

Quá trình xác minh và điều tra đã xác định rõ hành vi phạm tội của Quach Vu L, Phạm Van D và Nguyễn Đức H như sau:

Quach Vu L là công nhân của Công ty A nhưng đã nghỉ việc từ giữa tháng 4/2022; Phạm Van D là nhân viên bảo vệ của Công ty B, được giao nhiệm vụ bảo vệ tại Công ty A, do Công ty B ký hợp đồng cung cấp dịch vụ bảo vệ với Công ty A. L và

D cùng làm việc tại trụ sở Công ty A nên có mối quan hệ quen biết nhau. Khoảng giữa tháng 4/2022, do không có tiền tiêu xài và biết công ty A lỏng lẻo trong việc quản lý dây đồng nguyên liệu sản xuất nên L nảy sinh ý định lấy trộm các cuộn dây đồng của Công ty A đem bán lấy tiền tiêu xài. Thực hiện ý định trên, L bàn với D khi L đến Công ty A thì D sẽ tắt đèn, mở cổng và mở cửa của Công ty A để L đi vào nhà kho và dây chuyển sản xuất số 03 lấy trộm dây đồng. Sau khi lấy được dây đồng ra cổng thì L dùng xe mô tô hiệu Honda Winner, màu đen-bạc-vàng-đồng, biển số 61G1-710.04 chở đi bán lấy tiền chia nhau tiêu xài thì D đồng ý. Từ ngày 13/4/2022 đến ngày 29/4/2022, L và D đã thực hiện 11 (mười một) lần lấy trộm tổng cộng 30 (ba mươi) cuộn dây đồng của Công ty A. Cụ thể như sau:

- Ngày 13/4/2022, D và L đã cùng nhau thực hiện lấy trộm 02 (hai) cuộn dây đồng, mỗi cuộn có trọng lượng 27 kg.
- Ngày 14/4/2022, D và L đã cùng nhau thực hiện lấy trộm 02 (hai) cuộn dây đồng, mỗi cuộn có trọng lượng 27 kg.
- Ngày 15/4/2022, D và L đã cùng nhau thực hiện lấy trộm 04 (bốn) cuộn dây đồng, mỗi cuộn có trọng lượng 27 kg.
- Ngày 17/4/2022, D và L đã cùng nhau thực hiện lấy trộm 04 (bốn) cuộn dây đồng, mỗi cuộn có trọng lượng 27 kg.
- Ngày 19/4/2022, D và L đã cùng nhau thực hiện lấy trộm 04 (bốn) cuộn dây đồng, mỗi cuộn có trọng lượng 27 kg.
- Ngày 21/4/2022, D và L đã cùng nhau thực hiện lấy trộm 02 (hai) cuộn dây đồng, mỗi cuộn có trọng lượng 27 kg.
- Ngày 23/4/2022, D và L đã cùng nhau thực hiện lấy trộm 02 (hai) cuộn dây đồng, mỗi cuộn có trọng lượng 27 kg.
- Ngày 24/4/2022, D và L đã cùng nhau thực hiện lấy trộm 02 (hai) cuộn dây đồng, mỗi cuộn có trọng lượng 27 kg.
- Ngày 25/4/2022, D và L đã cùng nhau thực hiện lấy trộm 02 (hai) cuộn dây đồng, mỗi cuộn có trọng lượng 27 kg.
- Ngày 27/4/2022, D và L đã cùng nhau thực hiện lấy trộm 02 (hai) cuộn dây đồng, mỗi cuộn có trọng lượng 27 kg.
- Ngày 29/4/2022, D và L đã cùng nhau thực hiện lấy trộm 04 (bốn) cuộn dây đồng, mỗi cuộn có trọng lượng 27 kg.

Riêng ngày 08/5/2022, Quach Vu L đã lấy trộm 02 (hai) cuộn dây đồng, trong đó 01 (một) cuộn có trọng lượng 28,69 kg và 01 (một) cuộn có trọng lượng 28,70 kg thì bị bắt quả tang.

Sau khi lấy trộm các cuộn dây đồng, L đem bán cho Nguyen Duc H là người làm nghề thu mua phế liệu với giá 180.000đ (một trăm tám mươi ngàn đồng) trên một kg. Số tiền thu được, L chia cho D 2.700.000đ (hai triệu bảy trăm ngàn đồng) nếu lấy trộm được 02 (hai) cuộn dây đồng và 5.400.000đ (năm triệu bốn trăm ngàn đồng) nếu lấy trộm được 04 (bốn) cuộn dây đồng. Tổng số tiền L thu được từ việc mua bán các cuộn dây đồng là khoảng 140.000.000đ (một trăm bốn mươi triệu đồng). Tổng số tiền thu lợi của D khoảng 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng).

Nguyen Duc H khai nhận từ ngày 13/4/2022 đến ngày 29/4/2022, đã mua 30 (ba mươi) cuộn dây đồng từ Quach Vu L với giá 180.000đ (một trăm tám mươi ngàn đồng) trên một kg. Quá trình mua bán thì H và L không có bàn bạc và hứa hẹn với nhau trong việc mua bán các cuộn dây đồng. Khi mua các cuộn dây đồng của L thì H thường mua vào lúc trời gần sáng nên H nhận biết được các cuộn dây đồng do L đem

đến bán là tài sản do phạm tội mà có nhưng vì hám lợi nên H vẫn thu mua. Sau khi mua các cuộn dây đồng từ L, H dùng búa để đập lõi nhựa cứng màu trắng trong cuộn dây đồng rồi cắt thành các đoạn nhỏ bán lại cho nhiều người với giá 190.000đ (một trăm chín mươi ngàn đồng) trên một kg. Tổng số tiền H thu được từ việc mua các cuộn dây đồng của L là khoảng 12.000.000đ (mười hai triệu đồng).

Căn cứ Bản kết luận định giá tài sản số 135/KL-HĐĐGTS ngày 16/5/2022 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong Tổ tụng hình sự thành phố Thủ Dầu Một, kết luận: Đối với 30 (ba mươi) cuộn dây đồng có trọng lượng 27 kg/cuộn (tài sản không thu hồi được) trị giá là 223.183.674đ (hai trăm hai mươi ba triệu một trăm tám mươi ba ngàn sáu trăm bảy mươi bốn đồng). Đối với 02 (hai) cuộn dây đồng có trọng lượng là 28,70 kg và 28,69 kg (tài sản thu hồi được) trị giá là 15.822.113đ (mười lăm triệu tám trăm hai mươi hai ngàn một trăm mười ba đồng). Tổng trị giá tài sản Công ty A bị chiếm đoạt là 239.005.787đ (hai trăm ba mươi chín triệu không trăm lẻ năm ngàn bảy trăm tám mươi bảy đồng).

Đối với 01 (một) cuộn có trọng lượng 28,69 kg và 01 (một) cuộn có trọng lượng 28,70 kg đã thu hồi được cùng số tiền 35.000.000đ (ba mươi lăm triệu đồng) mà Phạm Van D giao nộp, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một đã giao cho công ty A theo Quyết định xử lý vật chứng số 64 ngày 15/7/2022.

Đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J7, màu xanh đen; 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo A15, màu xanh D, có sim số 0822.393272; 01 (một) điện thoại di động hiệu Vivo V21 5G, màu xanh và số tiền 12.000.000đ (mười hai triệu đồng) Nguyễn Đức H giao nộp. Quá trình điều tra xác định: Các điện thoại di động trên do Phạm Van D, Quách Vũ L, Nguyễn Đức H sử dụng làm phương tiện liên lạc để trộm cắp tài sản và tiêu thụ tài sản. Số tiền 12.000.000đ (mười hai triệu đồng) là tiền thu lợi bất chính do Nguyễn Đức H giao nộp.

Đối với 01 (một) xe mô tô hiệu Honda Winner, màu đen-bạc-vàng-đồng, biển số 61G1-710.04, quá trình điều tra xác định: Xe mô tô trên do anh Nguyễn Trung Ng, đứng tên trên Giấy chứng nhận đăng ký xe. Tháng 4/2021, anh Nghĩa cầm cổ xe trên cho bà Nguyễn Thị S. Đến tháng 8/2021, do anh Nghĩa không chuộc lại xe mô tô trên nên bà Sánh bán cho Quách Vũ L nhưng không làm giấy tờ mua bán và thủ tục sang tên.

Cáo trạng số 18/CT-VKS-HS ngày 12/01/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một truy tố bị cáo Quách Vũ L, Phạm Van D về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và bị cáo Nguyễn Đức H về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo điểm c khoản 2 Điều 323 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một trong phần tranh luận, giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Quách Vũ L mức hình phạt tù 07 năm 06 tháng tù đến 08 năm 06 tháng tù;

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Phạm Van D mức hình phạt từ 08 năm 06 tháng tù đến 09 năm 06 tháng tù;

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 323; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Nguyễn Đức H mức hình phạt từ 03 năm tù đến 03 năm 06 tháng tù.

Về biện pháp tư pháp:

- Đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J7, màu xanh đen; 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo A15, màu xanh D; 01 (một) điện thoại di động hiệu Vivo V21 5G, màu xanh là phương tiện mà Quach Vu L, Phạm Van D và Nguyễn Đức H dùng làm phương tiện liên lạc để thực hiện hành vi phạm tội nên đề nghị tịch thu sung vào Ngân sách nhà nước.

- Đối với số tiền 12.000.000đ (mười hai triệu đồng) mà Nguyễn Đức H thu lợi từ việc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có nên đề nghị tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

- Đối với 01 (một) xe mô tô hiệu Honda Winner, màu đen-bạc-vàng-đồng, biển số 61G1-710.04 là phương tiện Quach Vu L dùng để thực hiện hành vi phạm tội nên đề nghị tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

- Đối với yêu cầu của bị hại Công ty A yêu cầu các bị cáo Quach Vu L, Phạm Van D và Công ty B cùng liên đới bồi thường số tiền 223.183.674 đồng là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Quá trình điều tra bị cáo Phạm Van D đã bồi thường cho Công ty A số tiền 35.000.000đ (ba mươi lăm triệu đồng) nên đề nghị Hội đồng xét xử trừ số tiền này vào số tiền mà bị cáo D PH có trách nhiệm bồi thường cho bị hại.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát và không có ý kiến tranh luận. Về trách nhiệm dân sự các bị Quach Vu L và Phạm Van D đồng ý liên đới bồi thường cho bị hại Công ty A số tiền 223.183.674 đồng theo quyết định của Hội đồng xét xử.

Tại phiên tòa, bị hại Công ty A yêu cầu các bị cáo Quach Vu L, Phạm Van D và Công ty B cùng liên đới bồi thường thiệt hại số tiền 223.183.674 đồng và đồng ý khấu trừ cho bị cáo Phạm Van D số tiền đã bồi thường là 35.000.00 đồng. Đối với phần hình phạt thì yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét theo quy định của pháp luật.

Bị đơn dân sự Công ty B trình bày: Đồng ý bồi thường thiệt hại cho Công ty A theo mức bồi thường do Hội đồng xét xử quyết định.

Bị cáo Quach Vu L nói lời nói sau cùng: Bị cáo biết hành vi của mình là sai trái, vi phạm pháp luật nhưng xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để bị cáo có cơ hội làm lại cuộc đời và nuôi con nhỏ.

Bị cáo Phạm Van D nói lời nói sau cùng: Bị cáo biết hành vi của mình là sai trái, vi phạm pháp luật nhưng hiện nay bị cáo đã lớn tuổi nên xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Đức H nói lời nói sau cùng: Bị cáo biết hành vi của mình là sai trái, vi phạm pháp luật nhưng xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo có cơ hội làm lại cuộc đời lo cho vợ con và cha mẹ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, Kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, các bị cáo, bị hại, bị đơn dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo Quách Vũ L, Phạm Văn D, Nguyễn Đức H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, biên bản bắt người phạm tội quả tang, kết luận định giá, vật chứng thu giữ cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở kết luận:

Từ ngày 13/4/2022 đến ngày 29/4/2022, tại Công ty A, địa chỉ đường D1, khu công nghiệp Đồng An 2, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình D, Quách Vũ L và Phạm Văn D đã nhiều lần thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt 30 (ba mươi) cuộn dây đồng trị giá 223.183.674đ (hai trăm hai mươi ba triệu một trăm tám mươi ba ngàn sáu trăm bảy mươi tư đồng). Ngày 08/5/2022, Quách Vũ L lén lút chiếm đoạt 02 (hai) cuộn dây đồng trị giá 15.822.113đ (mười lăm triệu tám trăm hai mươi hai ngàn một trăm mười ba đồng). Như vậy, tổng trị giá tài sản mà các bị cáo đã chiếm đoạt của Công ty A là 239.005.787 đồng.

Hành vi mà các bị cáo Quách Vũ L, Phạm Văn D thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Từ ngày 13/4/2022 đến ngày 29/4/2022, tại tiệm thu mua phế liệu, thuộc khu phố An Hòa, phường Hòa Lợi, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình D, Nguyễn Đức H mặc dù biết rõ các cuộn dây đồng do Quách Vũ L phạm tội mà có nhưng vì háms lợi nên đã đồng ý mua 30 (ba mươi) cuộn dây đồng trị giá 223.183.674 đồng mà Quách Vũ L chiếm đoạt của Công ty A với giá tiền rẻ hơn giá trị thực tế nhằm mục đích tiêu thụ để thu lợi bất chính số tiền 12.000.000 đồng. Hành vi mà bị cáo Nguyễn Đức H thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 323 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Các bị cáo đều có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một truy tố các bị cáo theo tội danh và điều khoản như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi mà các bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ; gây mất trật tự, trị an tại địa phương nơi xảy ra vụ án. Các bị cáo nhận thức rõ hành vi lén lút chiếm đoạt tài

sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng vì tham lam, muốn có tiền tiêu xài mà các bị cáo đã bất chấp sự trừng phạt của pháp luật, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Vì vậy, cần có mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện, để có tác dụng răn đe, giáo dục các bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội, đồng thời nhằm đấu tranh phòng chống tội phạm chung.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

[4.1] Các bị cáo Quach Vu L, Pham Van D, Nguyen Duc H phạm tội 02 lần trở lên, đây là tình tiết tăng nặng được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

[4.2] Bị cáo Pham Van D bị Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao xử phạt xử phạt 30 tháng tù về tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có”, quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 1985 theo Bản án hình sự phúc thẩm số 2753/HSPT với tình tiết tăng nặng tái phạm nguy hiểm nhưng chưa được xóa án tích mà tiếp tục phạm tội nên thuộc tình tiết tăng nặng tái phạm nguy hiểm được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[5.1] Bị cáo Quach Vu L: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo L có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Một phần tài sản đã được thu hồi và trả lại cho bị hại. Đây là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[5.2] Bị cáo Pham Van D: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo D có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Một phần tài sản đã được thu hồi và trả lại cho bị hại. Bị cáo đã đầu thú và tự nguyện bồi thường một phần thiệt hại cho bị hại. Đây là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[5.3] Bị cáo Nguyen Duc H: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo H có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo đã ra đầu thú, tự nguyện nộp số tiền thu lợi bất chính và là lao động chính trong gia đình. Đây là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[6] Căn cứ vào nhân thân cũng như các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, xét mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với các bị cáo là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[7] Về biện pháp tư pháp: Căn cứ các điều 46, 47, 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

- Đối với 01 (một) điện thoại di động đã qua sử dụng hiệu Samsung Galaxy J7, màu xanh đen, số Imei 1: 353415083750102, số Imei 2: 353416083750100 thu giữ của Pham Van D là phương tiện Pham Van D dùng để liên lạc với Quach Vu L để thực hiện hành vi phạm tội nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- Đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo A15, màu xanh D, số Imei 1: 865041052936794, số Imei 2: 865041052936786, có sim bên trong nhưng không kiểm tra số thuê bao do khóa máy, đã thu giữ của Quach Vu L là phương tiện Quach Vu L dùng để liên lạc với Pham Van D, Nguyen Duc H để thực hiện hành vi phạm tội nên tịch thu sung quỹ Nhà nước;

- Đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu Vivo V21 5G, màu xanh thu giữ của Nguyen Duc H là phương tiện mà Nguyen Duc H dùng để liên lạc với Quach Vu L để thực hiện hành vi phạm tội nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- Đối với 01 (một) xe mô tô đã qua sử dụng hiệu Honda Winer, màu đen - bạc - vàng - đồng, biển số 61G1-710.04 là phương tiện Quach Vu L dùng để thực hiện hành vi phạm tội nên tịch thu sung quỹ Nhà nước;

- Đối với số tiền 12.000.000đ (mười hai triệu đồng) mà Nguyen Duc H đã giao nộp là tiền thu lợi bất chính nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Công ty A yêu cầu Pham Van D, Quach Vu L và Công ty B pH liên đới bồi thường số tiền 223.183.674 đồng. Xét thấy, Pham Van D và Quach Vu L cùng thực hiện hành vi lấy trộm tài sản của Công ty A nên Pham Van D và Quach Vu L pH có trách nhiệm bồi thường cho bị hại số tiền 223.183.674 đồng. Trong vụ án, Quach Vu L là chủ mưu, trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội và hưởng lợi nhiều hơn Pham Van D nên có trách nhiệm bồi thường cho Công ty A số tiền 150.000.000 đồng; Pham Van D pH bồi thường cho công ty A số tiền 73.183.674 đồng. Pham Van D đã bồi thường cho Công ty A số tiền 35.000.000 đồng nên D còn pH bồi thường số tiền 38.183.674 đồng. Do Pham Van D là nhân viên của Công ty B và được giao nhiệm vụ bảo vệ tại Công ty A nên Công ty B pH có trách nhiệm bồi thường thiệt hại do Pham Van D gây ra theo quy định tại Điều 600 của Bộ luật dân sự.

[9] Về án phí: Các bị cáo, Công ty B pH nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các điều 136, 260, 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lỗi, lỗi suất, phạt vi phạm;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên bố các bị cáo Quach Vu L, Pham Van D phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Tuyên bố bị cáo Nguyen Duc H phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

1/ Về hình phạt:

1.1. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Quach Vu L 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 08/5/2022.

1.2. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52, Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Pham Van D 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 07/5/2022.

1.3. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 323; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Nguyen Dục H 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

2/ Về biện pháp tư pháp: Áp dụng các điều 46, 47, 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 của Bộ luật Tổ tụng hình sự năm 2015:

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước đối với: 01 (một) điện thoại di động đã qua sử dụng hiệu Samsung Galaxy J7, màu xanh đen, số Imei 1: 353415083750102, số Imei 2: 353416083750100; 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo A15, màu xanh D, số Imei 1: 865041052936794, số Imei 2: 865041052936786; 01 (một) điện thoại di động hiệu Vivo V21 5G, màu xanh.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước đối với 01 (một) xe mô tô đã qua sử dụng hiệu Honda Winer, màu đen bạc vàng đồng, biển số 61G1-710.04.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước đối với số tiền Nguyen Dục H đã thu lợi bất chính là 12.000.000 đồng;

(Thể hiện tại biên bản giao nhận vật chứng số 041.23 ngày 13/01/2023 giữa Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một và Công an thành phố Thủ Dầu Một và giấy nộp tiền ngày 24/11/2022 tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam)

3/Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các điều 357, 468, 589, 600 của Bộ luật dân sự năm 2015:

- Buộc bị cáo Quach Vu L bồi thường cho Công ty A số tiền 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng);

- Buộc Công ty B bồi thường cho Công ty A số tiền 38.183.674đ (ba mươi tám triệu một trăm tám mươi ba ngàn sáu trăm bảy mươi tư đồng);

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên pH thi hành án còn pH chịu khoản tiền lãi của số tiền còn pH thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3/ Về án phí sơ thẩm:

- Bị cáo Quach Vu L pH chịu 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 7.500.000đ (bảy triệu năm trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Bị cáo Phạm Văn D pH chịu 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

- Công ty B pH chịu 1.909.183đ (một triệu chín trăm L chín ngàn một trăm tám mươi ba đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4/ Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

5/ Các bị cáo, bị hại, bị đơn dân sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình D;
- VKSND tỉnh Bình D;
- Công an tỉnh Bình D (PV06);
- Sở tư pháp tỉnh Bình D;
- VKSND thành phố Thủ Dầu Một;
- Công an thành phố Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Dầu Một;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, Tòa.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Nga